

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P10+TD2	7:25	5+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P10-TD2
2		PVD6+VSP02	7:25	19+0	0+0		11+11	0+0	
3		P7+TD2	9:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
4		TD2+PVD6	11:25	6+15	0+0		1+21	0+0	CHUYỂN 1 PAX TD2-PVD6

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/PVD6-18 NGƯỜI ĐI ĐI VỀ CHUYỂN CUỐI;
2/PVD6 CÓ HÀNG THÌ GỬI VÀO CHUYỂN 1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2019	TO: CTK3 - P10 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

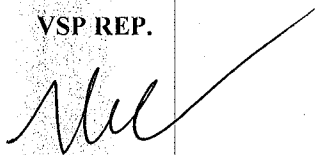
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	CTK3	11	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CTK3	06-07	2	7		52	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HAI	CTK3	12	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
4	LƯU QUANG DAT	CTK3	10	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MẠNH	CTK3	08-09	2	7		69	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HAI	TD2	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	57	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
8	EREMEEV E.N	TD2	60	1	10		95	KHOAN	Russian
9	GROMOV S.A	TD2	59	1	10		85	KHOAN	Russian
10	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	54	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH QUÂN	TD2	56	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	45-46	2	8		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	53	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	43	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	61-62	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ MINH HAI	TD2	55	1	5	70	72	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VAN THOM	TD2	58	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	52	1	6	20	70	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN ĐẠO	TD2	48	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

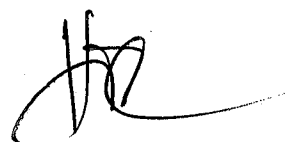
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	7	46	328	0	0		CHUYỂN 01 PAX TỪ P10 SANG TD2
2	P10	0	0	0	0	20	0	+2	
3	TD2	17	17	99	1.261	90	22		
TOTAL		22	24	145	1.589	110	22		
WEIGHT KG				145	1.589	110			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2019	TO: PVD6 - VSP02	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Vận - HUY	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY CUONG	PVD6	11	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
2	CAO TUNG SON	PVD6					78	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN XUAN HOANG	PVD6					69	D-HANH	Vietnamese
4	TRAN QUOC KHOI	PVD6					75	D-HANH	Vietnamese
5	PHAM THANH HA	PVD6					93	D-HANH	Vietnamese
6	IATSENKO	PVD6	02	1	5		100	D-HANH	Russian
7	LE ĐANG TAM	PVD6	06	1	3		61	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN THANH NGO	PVD6	10	1	3		62	D-HANH	Vietnamese
9	BOVT A.V	PVD6					96	D-HANH	Russian
10	TRAN TAN	PVD6	04	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
11	ĐANG ĐUC PHONG	PVD6					62	D-HANH	Vietnamese
12	ĐONG VAN NHUONG	PVD6	05	1	3	16	76	D-HANH	Vietnamese
13	BORODIN E.S	PVD6					114	D-HANH	Russian
14	LE VIET DUNG	PVD6					56	D-HANH	Vietnamese
15	ORLOV I.V	PVD6	09	1	3		86	D-HANH	Russian
16	TRAN VINH PHUONG	PVD6	03	1	2		71	D-HANH	Vietnamese
17	TRAN TRUNG HIEP	PVD6	08	1	2	27	65	D-HANH	Vietnamese
18	BUI TRONG HAN	PVD6	07	1	3		68	D-HANH	Vietnamese
19	LUONG THUY DUONG	PVD6					55	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	19	10	34	1.427	43	11		
2	VSP02	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		19	10	34	1.427	43	22		
WEIGHT KG				34	1.427	43			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2019	TO: P7 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - CHIÊN - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P7					77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN BA LƯỢNG	P7					66	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC LAM	P7	54	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HÙNG	P7	57	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN QUY	P7	51	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN DOANH	P7					68	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN PHAN	P7	52	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	P7	55	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HAO	P7	59-60	2	18		85	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHOAN*PK-PVD	P7	50	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	53	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUÂN LONG	P7	58	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HAI	P7	56	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	VĂN ĐÌNH QUANG	TD2	78	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	TELESHENKO	TD2	83	1	11		116	KHOAN	Russian
16	NIKITIN	TD2	84	1	10		90	ANTOAN	Russian
17	LÀ QUÝ DANH	TD2	81	1	9		64	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG SƠN	TD2	80	1	6		70	DVL	Vietnamese
19	BUI HỮU TRI	TD2	76	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC THẾ	TD2	82	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TỊNH	TD2	77	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
22	TÔ ĐÌNH TỰ	TD2	79	1	8		68	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	13	11	65	876	0	13		
2	TD2	9	9	68	674	0	8		
TOTAL		22	20	133	1.550	0	21		
WEIGHT KG				133	1.550	0			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



bay đưng 910

DATE: 18/01/2019	TO: TD2 - PVD6	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - Vận - HUY	ETA: 13:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOPULOV V.P	TD2	89-90	2	20		88	KHOAN	Russian
2	ZHURBIN N.V	TD2	87	1	8		90	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN MANH	TD2	86	1	8		60	DVL	Vietnamese
4	MAI DUY KHANH	TD2	88	1	12		80	NIPI	Vietnamese
5	PHAN VAN HAU	TD2	85	1	5		69	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYEN ĐUC HAI	PVD6	25-26	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN CONG TUYEN	PVD6	16	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN THUC	PVD6	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG QUOC THANG	PVD6	30	1	15		85	DVL	Vietnamese
10	TRAN VIET HO	PVD6	32	1	13	15	72	DVL	Vietnamese
11	TRAN VAN THU	PVD6	29	1	13	22	52	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN NGOC	PVD6	31	1	10		62	DVL	Vietnamese
13	LE VAN BAO	PVD6	20	1	12		58	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN HONG YEN	PVD6	19	1	17		71	XAYLAP	Vietnamese
15	HA TUAN DUNG	PVD6	34-35	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
16	DINH VAN DUONG	PVD6	17	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ QUỐC TUÂN	PVD6	21-22	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO THANH NAM	PVD6	23-24	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HONG DUONG	PVD6	27-28	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	6	53	387	0	1	1	CHUYEN 1 PAX TD2 SANG PVD6
2	PVD6	14	19	186	945	37	21		
TOTAL		19	25	239	1.332	37	22		
WEIGHT KG				239	1.332	37			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Trước khi bay hồ đại diện (kế hoạch)

LD VIETSOV/PETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10-TD3+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ BK10-TD3
2		PVD6+PVD1-TD1+TD5	7:25	2+1+2+17	0+0+0		2+1+2+17	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ PVD1-TD1
3		P4+PPD	9:25	11+9+0	0+0+0		13+0	0+0+0	
4		P1-VSP02+TD5	9:25	4+10+8	0+0+0		3+11+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/5 NGUOI P2 VỀ QUA TD3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2019	TO: BK10 - TD3 - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hôi - MMinh - Vũ	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	84-85	2	18		68	KHOAN	Vietnamese
2	ZHDANOV V.N	TD3	70	1	10		113	KHOAN	Russian
3	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	62-63	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN ANH	TD3	64	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN KHOA	TD3	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	VÕ VĂN DŨNG	TD3	86	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	67	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	87	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	88	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ HÙNG ANH	TD3	75	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
11	HA VĂN PHÚC	TD3					79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	65	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	HA KHUÔNG DUY	TD3	71-72	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ THUẬN THANH	TD3	73-74	2	15		73	KHOAN	Vietnamese
15	VÕ HỮU TÂN	TD3	76	1	7		78	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN GIANG	TD3	68	1	8		72	DVL	Vietnamese
17	PHẦN ĐÌNH NHẬT	TD3	77-78	2	20		68	BAKER HUC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU MAI	TD3	79-80	2	17		68	BAKER HUC	Vietnamese
19	MAI HOANG HA	TD3	81-83	3	20		50	BAKER HUC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG TRĂNG	TD3	89-90	2	20		62	BAKER HUC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	69	1	10		77	BAKER HUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	20	0+1		CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ BK10 SANG TD3
2	TD3	21	29	210	1.527	0	17		
3	BK16	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		21	29	210	1.527	60	21		
WEIGHT KG				210	1.527	60			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2019	TO: PVD6 - PVD1 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - THU	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE BICH ANH	PVD6	55-56	2	17		75	XAY LAP	Vietnamese
2	NGUYEN DUC TUYEN	PVD6	57	1	8		77	XAY LAP	Vietnamese
3	ĐO VAN THAI	PVD1	10	1	15		68	DVL	Vietnamese
4	PHAM HAI LONG	TD1	29-31	3	18		80	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN ĐUNG	TD1	28	1	9	16	55	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ HOAN KIEM	TD5	34	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAN TAI	TD5	39	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	BAO NGUYEN LOC	TD5	36	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUYET TIEN	TD5	37	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN BA HOA	TD5	27	1	3	60	67	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DUY ĐUC	TD5	40	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH ANH TRUONG	TD5	35	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG NHAT QUANG	TD5	38	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
15	LE VU NGOC	TD5	26	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
16	MAI DAI HAI	TD5	25	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
17	SYDORSKY	TD5	41	1	5		93	ANTOAN	Russian
18	ĐO HOAI THANH	TD5	31-33	3	17		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TIEN	TD5	30	1	4		68	DVL	Vietnamese
20	PHAN VINH TRUONG	TD5	42	1	10		65	DVL	Vietnamese
21	TA VAN THINH	TD5	24	1	6		60	NIPI	Vietnamese
22	PHAM VAN BAO	TD5	28-29	2	18		71	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	2	3	25	152	0	2		CHUYEN 01 PAX PVD1 SANG TD1
2	PVD1	1	1	15	68	0	1+1		
3	TD1	2	4	27	135	16	2		
4	TD5	17	19	104	1.208	60	17		
TOTAL		22	27	171	1.563	76	22		
WEIGHT KG				171	1.563	76			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2019	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - Vũ	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TAN CHEE SENG	PPD	68-69	2	17		68	KHI	Singapore
2	BUI ĐĂNG TIẾN	PPD	71	1	11		70	KHI	Vietnamese
3	LÊ THANH TRUNG	PPD	72	1	4		62	KHI	Vietnamese
4	VŨ NGỌC TUÂN	PPD	73	1	5	60	82	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TRÚC	PPD	75	1	7		65	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	74	1	8		77	KHI	Vietnamese
7	HUYNH NAM LONG	PPD	80	1	10		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG NAM	PPD	70	1	6		63	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN THANH	PPD	65-66	2	12		67	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN PHUC HAU	PPD	67	1	7		71	KHI	Vietnamese
11	PHẠM MỘNG THANH	P4	61	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	PHẠM DUY CHUNG	P4	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HOA VINH	P4					82	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NAM	P4	65	1	3		78	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	67	1	5		77	PSV	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	69	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN DŨNG	P4	63	1	5		64	PSV	Vietnamese
18	LƯU ĐÌNH THAI	P4	66	1	5	30	59	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HẢI	P4	62	1	5		52	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN AI	P4	70	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐẶC NHA	P4	68	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	12	87	692	60	0		
2	P4	11	10	46	748	30	13		
TOTAL		21	22	133	1.440	90	13		
WEIGHT KG				133	1.440	90			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

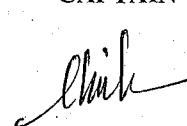
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2019	TO: P1 - VSP02 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - THU	ETA: 11:55
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG VĂN DÂN	P1	51	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC THỊNH	P1	49	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
3	LE TRỌNG DUNG	P1	50	1	7	60	60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HIỆP	P1					80	PSV	Vietnamese
5	LE HỒNG MINH	P1	53	1	10		68	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN KHANH CHÂN	P1					58	PSV	Vietnamese
7	PHAN SỸ HOÀN	P1	52	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	NG THỊ KIM TUYẾN	P1	47-48	2	12		61	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	VSP02	04	1	5	5	75	D-HANH	Vietnamese
10	CHUACHAWANA DUMRONG	VSP02	05-06	2	15		58	D-HANH	Thailand
11	TRƯƠNG ANH TU	VSP02	03	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI ĐOÀN BÌNH	VSP02	01-02	2	10		73	NIPI	Vietnamese
13	HỒ VĂN ANH	TD5					80	PSV	Vietnamese
14	ĐINH VĂN THẮNG	TD5	40	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	ĐINH VĂN HOÀI	TD5	42	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	39	1	4		74	PSV	Vietnamese
17	PHI TRƯỞNG SƠN	TD5	45	1	5	20	63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	44	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	38	1	4		90	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	37	1	4		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HANH	TD5	41	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	BUI ĐỨC ANH	TD5	43	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	7	52	529	60	7		
2	VSP02	4	6	37	274	5	3		
3	TD5	10	9	40	715	20	12		
TOTAL		22	22	129	1.518	85	22		
WEIGHT KG				129	1.518	85			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN